

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thương mại quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 98/TTr-BQL ngày 27 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính được chuẩn hóa và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thương mại quốc tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, K6, KSTT<sup>(C)</sup>.



**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA; THỦ TỤC  
HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ**  
(Ban hành theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA (04 TTHC)**

| TT                                                                                                    | Tên thủ tục hành chính                                                                                      | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Phí, lệ phí (nếu có)                                                            | Nội dung chuẩn hóa                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                  | TTHC liên thông |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                       | Mã số TTHC                                                                                                  |                     |                                                                          |                                   |                           |                                                                                 |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |
| Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương |                                                                                                             |                     |                                                                          |                                   |                           |                                                                                 |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |
| 1                                                                                                     | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000063.000.00.00.H08) | 7 ngày làm việc     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Có                                | Có                        | Lệ phí cấp giấy phép: 3.000.000 đồng/giấy phép (Nộp tại thời điểm nhận kết quả) | Thay đổi mức độ cung cấp DVC trực tuyến | - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.<br>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ. | -               |
| 2                                                                                                     | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                      | 5 ngày làm việc     | Trung tâm Phục vụ hành chính công                                        | Có                                | Có                        | Lệ phí cấp giấy phép: 1.500.000 đồng/giấy phép (Nộp tại thời điểm               | Thay đổi mức độ                         | - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;<br>- Thông tư số                                                                                                                                                                                                       |                 |

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Phí, lệ phí (nếu có)                                                            | Nội dung chuẩn hóa                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                  | TTHC liên thông |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|    | Mã số TTHC                                                                                                         |                     |                                                                          |                                   |                           |                                                                                 |                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |
|    | (2.000450.000.00.00.H08)                                                                                           |                     | công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn                              |                                   |                           | nhận kết quả)                                                                   | cung cấp DVC trực tuyến                 | 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.<br>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ.                                                                           |                 |
| 3  | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000347.000.00.00.H08) | 5 ngày làm việc     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Có                                | x                         | Lệ phí cấp giấy phép: 1.500.000 đồng/giấy phép (Nộp tại thời điểm nhận kết quả) | Thay đổi mức độ cung cấp DVC trực tuyến | - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.<br>- Thông tư số 143/2016/TT-BTC ngày 26/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.<br>- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ. |                 |
| 4  | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam                             | 5 ngày làm việc     | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 127 Hai Bà Trưng, TP Quy Nhơn | Có                                | x                         | Lệ phí cấp giấy phép: 1.500.000 đồng/giấy phép (Nộp tại thời điểm nhận kết quả) | Thay đổi mức độ                         | - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ;<br>- Thông tư số                                                                                                                                                                                                       |                 |

[illegible]

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (04TTHC)

| ST T                      | Mã số TTHC         | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                           | Quyết định công bố TTHC của UBND tỉnh    |
|---------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1                         | BQLKKTBD_QLHDTM_01 | Gia hạn đồng thời điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng Đại diện của thương nhân nước ngoài                                                                                                                                                                    | Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ | Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 |
| 2                         | BQLKKTBD_QLHDTM_04 | Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, rách, tiêu hủy)                                                                                                 | Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ | Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 |
| 3                         | BQLKKTBD_QLHDTM_05 | Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Trường hợp thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của thương nhân nước ngoài từ một nước sang một nước khác; thay đổi hoạt động của thương nhân nước ngoài) | Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ | Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 |
| 4                         | BQLKKTBD_QLHDTM_06 | Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Áp dụng cho trường hợp thay đổi địa điểm đặt Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến các KCN và KKT Nhơn Hội)                                 | Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ | Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 17/9/2009 |
| <b>Tổng cộng: 04 TTHC</b> |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                          |                                          |